

Deloitte.

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 28

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hải	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 1 năm 2010)
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 1 năm 2010)
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cự Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất từng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Hùng Dũng *NHD*

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2010

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

372-C.
NH
CY
HỮU HẠ
TTE
NAM
NỘI
Ồ CHÍ M

Số. 286 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty con (gọi tắt là "Tổng Công ty"). Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở kết quả của công tác soát xét.

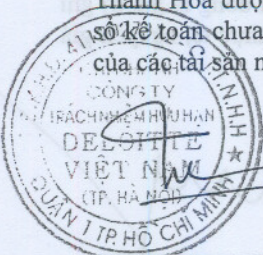
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Do không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Malaysia Vietnam Offshore Terminal (L) Limited, là một liên doanh giữa Tổng Công ty và Malaysia International Shipping Corporation Sdn Bhd (MISC) theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010 của công ty liên doanh này. Báo cáo tài chính của công ty liên doanh này hiện đang được một công ty kiểm toán khác (Ernst & Young Malaysia) thực hiện và chưa có kết quả kiểm toán cuối cùng. Chúng tôi không tiến hành soát xét cũng như kiểm toán báo cáo tài chính của liên doanh này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đã được soát xét kèm theo bao gồm số liệu trình bày của năm trước cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 3 năm 2009 cho mục đích so sánh. Chúng tôi không tiến hành soát xét cũng như kiểm toán các số liệu so sánh theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến cho các số liệu này.

Chúng tôi cũng xin lưu ý vấn đề đã trình bày tại Thuyết minh số 6, phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, Tổng Công ty đang tạm thời ghi tăng một số tài sản thuộc dự án Bến số 1, 2 Cảng Nghi Sơn Thanh Hóa được nhận chuyển nhượng từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị 169.262 triệu đồng là giá trị ghi sổ kế toán chưa được định giá lại bởi tổ chức thẩm định giá độc lập. Khi có kết quả định giá thực tế, nguyên giá của các tài sản này sẽ được điều chỉnh lại.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 28 tháng 4 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Cao Nguyên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1184/KTV

Kiểm toán. Tư vấn Thuế. Tư vấn Tài chính. Tư vấn Giải pháp.

Member of
Deloitte Touche Tohmatsu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.945.645	5.257.942
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.721.151	1.977.139
1. Tiền	111		1.127.305	1.435.793
2. Các khoản tương đương tiền	112		593.846	541.346
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.900	3.900
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.900	3.900
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.824.951	2.749.691
1. Phải thu khách hàng	131		2.735.836	2.686.559
2. Trả trước cho người bán	132		134.788	95.103
3. Các khoản phải thu khác	135		19.306	39.957
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(64.979)	(71.928)
IV. Hàng tồn kho	140	5	285.115	436.011
1. Hàng tồn kho	141		289.075	439.971
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.960)	(3.960)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		110.528	91.201
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.027	2.607
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		88.657	83.696
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.524	11
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.320	4.887

11/20
CHI
CÓI
RÁCHNH
DEL
VIỆC
(TP.
SÀI GÒN)

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2010	31/12/2009
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.671.211	7.142.600
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		176	185
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		310	310
2. Phải thu dài hạn khác	218		176	185
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(310)	(310)
II. Tài sản cố định	220		5.946.845	5.664.350
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	2.732.246	2.593.951
- Nguyên giá	222		4.537.059	4.289.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.804.813)	(1.695.169)
2. Tài sản cố định vô hình	227		152.473	148.357
- Nguyên giá	228		163.242	156.965
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.769)	(8.608)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	3.062.126	2.922.042
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.695.781	1.447.596
1. Đầu tư vào công ty con	251	8	90.594	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9	1.142.146	990.710
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10	471.123	464.968
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(8.082)	(8.082)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		28.409	30.469
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		25.619	27.999
2. Tài sản dài hạn khác	268		2.790	2.470
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		12.616.856	12.400.542

172-C
NH
TY
HỮU HẠ
ITE
NAM
NỘI
O CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

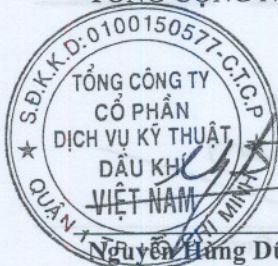
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2010		31/12/2009	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.321.630		8.796.734	
I. Nợ ngắn hạn	310		5.569.565		5.192.176	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	1.102.096		1.066.828	
2. Phải trả người bán	312		1.628.852		2.236.249	
3. Người mua trả tiền trước	313		481.957		429.243	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	77.576		166.752	
5. Phải trả người lao động	315		163.193		177.674	
6. Chi phí phải trả	316		913.317		569.120	
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	1.117.237		524.757	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		85.337		21.553	
II. Nợ dài hạn	330		3.752.065		3.604.558	
1. Phải trả dài hạn khác	333		17.924		38	
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	3.691.148		3.597.946	
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	335	22	36.496		-	
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		6.497		6.574	
B. NGUỒN VỐN	400		3.175.825		3.498.627	
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	3.175.688		3.498.481	
1. Vốn điều lệ	411		2.000.000		2.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		486.293		486.293	
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		23.880		37.863	
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		394.085		350.019	
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		69.819		41.953	
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		201.611		582.353	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		137		146	
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		137		146	
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	16	119.401		105.181	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		12.616.856		12.400.542	



Nguyễn Hùng Dũng

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2010

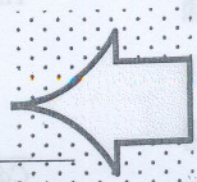
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cường

Nguyễn Xuân Cường

Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2009	
			Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010	đến 31/3/2009 (chưa soát xét)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.171.262	1.847.498
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.171.262	1.847.498
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		(2.038.373)	(1.671.442)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		132.889	176.056
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	146.285	49.446
7. Chi phí tài chính	22	19	(168.537)	(32.731)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(29.330)	(18.491)
8. Chi phí bán hàng	24		(4.058)	(22.848)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(52.104)	(76.316)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		54.475	93.607
11. Thu nhập khác	31	20	21.426	2.592
12. Chi phí khác	32	21	(778)	(1.167)
13. Lợi nhuận khác	40		20.648	1.425
14. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết, liên doanh	52		151.436	2.679
15. Lợi nhuận trước thuế	50		226.559	97.711
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	(19.975)	(12.456)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	22	(36.496)	-
18. Lợi nhuận sau thuế	60		170.088	85.255
<i>Phân phối cho:</i>				
Cổ đông của Tổng Công ty			172.529	85.494
Lợi ích của cổ đông thiểu số			(2.441)	(238)
19. Lãi trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	70	23	889	837

1120
CHÍNH
CƠ
ACHNH
DEL
VIỆT
(TP. H
VI TP.

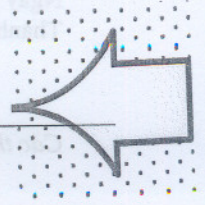


Nguyễn Hùng Dũng
Tông Giám đốc
Ngày 28 tháng 4 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cug

Nguyễn Xuân Cường
Kê toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

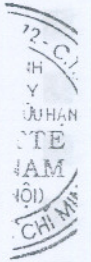
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2009	
		Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010	đến 31/3/2009 (chưa soát xét)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	226.559	97.712
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	109.104	74.702
Các khoản dự phòng	03	(6.949)	(1.811)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	94.594	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(16.876)	(24.887)
Chi phí lãi vay	06	29.330	18.491
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	435.762	164.207
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	(32.194)	722.220
Tăng hàng tồn kho	10	150.896	(37.255)
Giảm các khoản phải trả	11	(451.309)	(104.435)
Tăng tài sản ngắn hạn khác	12	(18.085)	(3.393)
Tiền lãi vay đã trả	13	(39.894)	(3.876)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(61.000)	(13.842)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.824)	723.626
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(251.366)	(773.337)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.468	-
3. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	(12.809)	(750)
4. Đầu tư góp vốn vào công ty con, các công ty liên kết	25	-	(25.000)
5. Tiền thu từ các khoản đầu tư, tiền cho vay	26	12.760	10.287
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(249.947)	(788.800)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(105.013)	(44.741)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	35	117.866	476.656
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(79)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.853	431.836
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(252.918)	366.662
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.977.139	1.047.879
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(3.070)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>1.721.151</u>	<u>1.414.541</u>



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 2.100 triệu đồng là số tiền mua tài sản cố định trong kỳ chưa thanh toán cho người bán tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm số tiền 400.000 triệu đồng là số cổ tức đã công bố trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng cũng được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Hùng Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 4 số 0100150577 ngày 28 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam") là cổ đông chính và là công ty mẹ của Tổng Công ty. Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 là 5.708 người (năm 2009: 5.218 người).

Tổng Công ty có 9 công ty con và các Chi nhánh trực thuộc như sau:

- Văn phòng Cơ quan Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Quảng Bình - Cảng Hòn La.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Khai thác Dầu khí.
- Ban Đầu tư đóng mới và mua sắm phương tiện nội.
- Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí hàng hải.
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi.
- Công ty TNHH MTV Đại lý tàu biển PTSC.
- Công ty TNHH MTV Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ.
- Công ty TNHH MTV Khách sạn dầu khí.
- Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông
- Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí

Hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ dầu khí; Quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ; Dịch vụ căn cứ Cảng; Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hoá; Quản lý kinh doanh và khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu (FPSO); Quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; Chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; Dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nội; Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; Kinh doanh khách sạn và văn phòng làm việc; Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; Kinh doanh các sản phẩm dầu khí và phân đạm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế thương mại nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2%	16,67%
Máy móc, thiết bị	12,5%	33,33%
Phương tiện vận tải	10%	16,67%
Thiết bị quản lý và tài sản khác	12,5%	33,33%

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm quản lý khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm quản lý được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

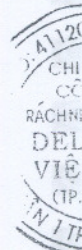
Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất phản ánh số tiền thuê 264.985 m² đất trả trước cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UDEC) để sử dụng vào mục đích xây dựng Cảng Đạm và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ với thời hạn 25 năm. Khoản tiền thuê đất này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, theo phương pháp đường thẳng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư (trừ lãi từ đầu tư vào công ty con) được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

372-C
ANH
TY
HÀ
ITE
NAM
HỘI
O CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ngoại tệ

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 do Bộ Tài chính đã ban hành. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Tổng Công ty bị lỗ, Tổng Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng rằng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Nếu Tổng Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010 sẽ tăng 23.880 triệu đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 sẽ giảm một khoản tương ứng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất tài sản cố định cho giai đoạn trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cố định (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận thuần không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/3/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tiền mặt	6.380	3.486
Tiền gửi ngân hàng	1.120.925	1.432.307
Các khoản tương đương tiền	593.846	541.346
	1.721.151	1.977.139

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. HÀNG TỒN KHO

	31/3/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Hàng mua đang đi đường	10.416	79.627
Nguyên liệu, vật liệu	118.060	189.462
Công cụ, dụng cụ	9.546	2.981
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	150.461	164.728
Hàng hoá	592	3.173
Cộng	289.075	439.971
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.960)	(3.960)
	285.115	436.011

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VNĐ	Máy móc, thiết bị Triệu VNĐ	Phương tiện vận tải Triệu VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2009	1.139.637	442.850	2.655.415	51.218	4.289.120
Mua sắm mới	121	8.487	11.976	3.921	24.505
Chuyển từ XDCBDD	380	57.752	-	-	58.132
Tặng khác	134.391	28.602	1.152	2.616	166.761
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.459)	(1.459)
Tại ngày 31/3/2010	1.274.529	537.691	2.668.543	56.296	4.537.059
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 31/12/2009	180.425	91.391	1.388.775	34.578	1.695.169
Trích khấu hao	22.847	15.169	66.175	2.752	106.943
Tặng khác	2.424	648	761	327	4.160
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.459)	(1.459)
Tại ngày 31/3/2010	205.696	107.208	1.455.711	36.198	1.804.813
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/3/2010	1.068.833	430.483	1.212.832	20.098	2.732.246
Tại ngày 31/12/2009	959.212	351.459	1.266.640	16.640	2.593.951

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 bao gồm một số tài sản với nguyên giá là 169.262 triệu đồng là tài sản được nhận chuyển nhượng từ Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam thuộc dự án bến số 1, 2 Cảng Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Các tài sản này đang được ghi tăng theo giá trị ghi sổ kế toán để tạm tính khấu hao khi tài sản được đưa vào sử dụng. Nguyên giá của các tài sản này sẽ được điều chỉnh lại theo giá trị thực tế được xác định bởi tổ chức thẩm định giá độc lập.

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá lại tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 là 1.305.111 triệu VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.305.111 triệu VNĐ) để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 là 944.734 triệu VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 715.388 triệu VNĐ).

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/3/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Đóng mới kho nổi chứa xuất dầu FSOs	2.412.889	2.388.594
Dự án mở rộng căn cứ cảng hạ lưu Vũng Tàu	98.547	98.581
Cảng Đạm và Dịch vụ Tổng hợp Phú Mỹ	87.040	129.711
Dự án mở rộng căn cứ hạ lưu (46,7ha)	29.822	29.775
Khu Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Dung Quất	23.739	23.739
Dự án đóng 02 tàu 3500HP	281.872	153.370
Sà lan 5000 tấn	80.683	80.678
Nối dài bến cầu tàu tại Dung Quất	4.173	4.173

172
NH
TY
HUU
TT
NAM
NOD
O CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Nhà tập thể thao và sân tennis	5.969	5.969
Nhà xưởng Công ty Tàu	6.471	-
Dự án hoán cải tàu DK104	12.291	-
Dự án đầu tư xây dựng cầu cảng phục vụ Khu CN Cảng Đình Vũ	3.816	-
Dự án đóng mới và kinh doanh tàu DV Đa năng 10.000 HP	2.057	-
Xây dựng khu nhà văn phòng	4.838	-
Khác	7.919	7.452
	3.062.126	2.922.042

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí hàng hải	Việt Nam	100	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty TNHH MTV Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi	Việt Nam	100	Thương mại, xây dựng
Công ty TNHH MTV Đại lý tàu biển PTSC	Việt Nam	100	Đại lý tàu biển
Công ty TNHH MTV Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	100	Vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	Việt Nam	52	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty TNHH MTV Khách sạn dầu khí	Việt Nam	100	Dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu Khí Phương Đông	Việt Nam	60,39	Dịch vụ Du lịch
Công ty cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí	Việt Nam	55,77	Dịch vụ Công nghệ thông tin
Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	100	Dịch vụ căn cứ cảng

Từ ngày 24 tháng 2 năm 2010, Tổng Công ty đã chuyển đổi công ty con là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC thành chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty. Toàn bộ tài sản và công nợ của các công ty con này được hợp nhất vào báo cáo tài chính Tổng Công ty theo giá trị ghi sổ tại ngày chuyển đổi.

Theo hợp đồng chuyển nhượng số 10566/2009/DKVN-HD ngày 29 tháng 10 năm 2009, Tổng Công ty mua lại phần vốn góp vào Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là "PTSC Phương Đông") từ Tập đoàn Dầu khí Việt nam. Theo đó, kể từ ngày 4 tháng 3 năm 2010, thời điểm bàn giao quyền sở hữu, PTSC Phương Đông trở thành công ty con của Tổng công ty. Tuy nhiên, Tổng Công ty đang có kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần do Tổng Công ty đang nắm giữ tại PTSC Phương Đông trong năm 2010. Theo đó, khoản đầu tư vào vào PTSC Phương Đông được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, giá gốc của khoản đầu tư này là 90.594 triệu đồng.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 344- 2009/PTSC- TCNS/HDKD ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tổng Công ty mua lại phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "PV Tech") từ Tập đoàn Dầu khí Việt nam. Theo đó, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, PV Tech trở thành công ty con của Tổng Công ty. Tổng Công ty không ghi nhận lợi thế thương mại phát sinh từ nghiệp vụ mua PV Tech vì đánh giá rằng giá trị ghi sổ tương đương với giá trị hợp lý của PV Tech tại ngày mua.

Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư thành lập công ty con mới là Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Nghị quyết số 7254/NQ-DKVN ngày 18 tháng 9 năm 2009. Ngành nghề hoạt động chủ yếu của công ty con này là quản lý điều hành, kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh các dịch vụ cảng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/3/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Giá trị khoản đầu tư gốc	963.426	963.426
Phần kết quả thuần của các công ty liên kết, liên doanh:		
Các năm trước	27.284	5.451
Trong kỳ/năm	151.436	21.833
	1.142.146	990.710

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ		Hoạt động chính
		Sở hữu		
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	Singapore	33.00%		Dịch vụ dầu khí
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	Malaysia	49.00%		Dịch vụ tàu thuyền
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	Malaysia	60.00%		Dịch vụ tàu thuyền
Công ty Bảo Dưỡng và sửa chữa công trình dầu khí	Việt Nam	46.00%		Dịch vụ dầu khí
Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí Quốc tế	Việt Nam	21.33%		Dịch vụ vận tải

Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT) được thành lập trong năm 2009 giữa Tổng Công ty cùng với đối tác Malaysia International Shipping Corporation (MISC). Trong đó Tổng Công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, kho nổi FPSO "Ruby II" vẫn đang trong quá trình xây dựng chưa đi vào hoạt động. Theo đó, khoản đầu tư vào liên doanh VOLT được trình bày theo giá gốc.

Tài sản đồng kiểm soát

Tên tài sản	Địa điểm	Tỷ lệ cổ phần	Hoạt động chính
Hợp đồng hợp tác kinh doanh tàu Ruby Princess	Việt Nam	75%	Dịch vụ tàu thuyền

Theo dự kiến tàu Ruby Princess sẽ chấm dứt hợp đồng vào tháng 6 năm 2010.

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/3/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Cho vay Cty Liên doanh Rông Đồi MV12	275.501	278.096
Đầu tư cổ phiếu	195.622	186.872
	471.123	464.968

Khoản cho Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 vay là khoản vay không có bảo đảm và được hưởng lãi suất BBA LIBOR, sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh với Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, số dư khoản cho vay này tương đương 14.856.595 Đô la Mỹ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Khoản đầu tư vào cổ phiếu là các khoản đầu tư dài hạn của Tổng Công ty vào các cổ phiếu chưa niêm yết trong các doanh nghiệp và Tổng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác và trích lập dự phòng giảm giá các đầu tư theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng không có bất kỳ khoản dự phòng nào cần trích lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/3/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Vay ngắn hạn	657.000	657.000
Vay dài hạn đến hạn trả	445.096	409.828
	1.102.096	1.066.828

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Tổng công ty cổ phần Tài chính Dầu khí Việt nam. Khoản vay này đáo hạn vào ngày 25 tháng 12 năm 2010 và chịu lãi suất 8,368%/năm.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/3/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	32.140	46.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.854	57.715
Thuế thu nhập cá nhân	4.624	6.361
Tiền thuế đất	159	196
Các loại thuế khác	18.567	56.256
Các khoản phí và lệ phí	2.232	-
	77.576	166.752

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/3/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	673.285	191.337
Phải trả tiền lương, thưởng	37.053	78.930
Cổ tức phải trả	198.165	2.288
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	13.515	8.599
Phải trả Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	561	7.165
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí		4.531
Phải trả Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí		95.418
Phải trả Ban quản lý Nhà máy lọc dầu Dung Quất		71.490
Phải trả Công ty Asian Marine Co.,Ltd	1.252	1.253
Phải trả Công đoàn	7.640	10.333
Phải trả Công Ty Dịch vụ và Vận tải biển Vũng tàu		1.585
Phải trả Công ty Moni Group Sdn Bhd		1.841
Khác	185.766	49.987
	1.117.237	524.757

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản quyết toán số tiền phải nộp về lãi vay ủy thác vốn và phí quản lý. Lãi suất do sử dụng vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là 5,6%/năm.

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/3/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Đồng Việt Nam	561.743	567.165
Đô la Mỹ	3.574.501	3.440.609
	4.136.244	4.007.774

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, từ các ngân hàng Ngoại thương (VCB), Đầu tư Phát triển (BIDV), Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Agribank), Công thương Việt Nam (Vietin Bank), ngân hàng Indovina Bank, Mitsubishi, Chinatrust, Đại Dương và một số ngân hàng khác với lãi suất là: từ 11,5% đến 12,4% đối với đồng Việt Nam; từ 1,86% đến 5,7% đối với khoản vay USD. Các khoản vay này được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bảo lãnh hoặc bảo đảm bằng tài sản hình thành từ các khoản vay. Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 tương đương 192.757.811 Đô la Mỹ (31/12/2009: 191.773.556 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/3/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Trong vòng 1 năm	445.096	409.828
Từ 1 năm đến 2 năm	511.733	508.856
Từ 2 năm đến 5 năm	1.493.323	1.495.625
Trên 5 năm	1.686.092	1.593.465
	4.136.244	4.007.774
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (trình bày như vay ngắn hạn, xem Thuyết minh 12)	(445.096)	(409.828)
Số phải trả sau 12 tháng	3.691.148	3.597.946

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 314/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 1 tháng 10 năm 2009, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án phát hành thêm 25 triệu cổ phần, tương đương 250.000.000.000 đồng, cho các cổ đông chiến lược nhằm tăng vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tổng Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm cổ phần. Vào ngày 18 tháng 1 năm 2010, số cổ phiếu tương ứng với phần vốn điều lệ tăng thêm đã được chấp thuận niêm yết bổ sung và chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Số tiền góp vốn Triệu VNĐ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,0	102.000.000	1.020.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	12,5	25.042.740	250.427
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương	5,4	10.800.000	108.000
Các cổ đông khác	31,1	62.157.260	621.573
	100	200.000.000	2.000.000

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ Triệu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi Triệu VNĐ	Các quỹ Triệu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Tại ngày 1/1/2009	1.750.000	-	-	163.328	334.049	2.247.377
Tăng vốn điều lệ	250.000	486.293	-	-	-	736.293
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	576.914	576.914
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	229.587	(229.587)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(87.500)	(87.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đổi	-	-	37.863	-	-	37.863
Chi các quỹ	-	-	-	(943)	-	(943)
Giảm khác	-	-	-	-	(11.523)	(11.523)
Tại ngày 31/12/2009	2.000.000	486.293	37.863	391.972	582.353	3.498.481
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	172.529	172.529
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	71.819	(155.082)	(83.263)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(400.000)	(400.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đổi	-	-	(13.983)	-	-	(13.983)
Tăng khác	-	-	-	113	1.811	1.924
Tại ngày 31/3/2010	2.000.000	486.293	23.880	463.904	201.611	3.175.688

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 92/NQ - DVKT - ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2010, các cổ đông của Tổng Công ty đồng ý phương án phân phối lợi nhuận của năm 2009 như sau: trích quỹ đầu tư phát triển 44.065 triệu đồng, quỹ dự phòng tài chính 27.754 triệu đồng, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành là 83.262 triệu đồng và chia cổ tức cho các cổ đông là 400.000 triệu đồng.

16. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	PTSC Đình Vũ	PV Tech
Vốn điều lệ của công ty con	225.000	34.267
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	117.000	19.109
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	108.000	15.158
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	48%	44,23%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần của PTSC Đình Vũ và PV Tech tại ngày 31 tháng 3 năm 2010:

	PTSC Đình Vũ	PV Tech	Triệu VNĐ Tổng cộng
Tổng tài sản	483.392	59.047	542.439
Tổng nợ phải trả	270.815	19.793	290.608
Tài sản thuần	212.577	39.254	251.831
<i>Chi tiết như sau:</i>			
Vốn điều lệ	225.000	34.267	259.267
Các quỹ	-	202	202
Lỗi lũy kế	(12.423)	4.785	(7.639)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	102.037	17.364	119.401
<i>Chi tiết như sau:</i>			
Vốn điều lệ	108.000	15.157	123.157
Các quỹ	-	89	89
Lỗi lũy kế	(5.963)	2.117	(3.846)

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ như sau:

	PTSC Đình Vũ	PV Tech	Triệu VNĐ Tổng cộng
(Lỗ)/lợi nhuận trong năm	(6.504)	1.539	(4.965)
(Lỗ)/lợi nhuận của cổ đông thiểu số	(3.122)	681	(2.441)

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành năm bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh

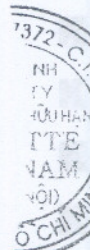
Dịch vụ cung ứng tàu biển
Cung cấp dịch vụ cảng

Cơ khí, đóng mới và xây lắp
Sửa chữa, vận hành và lắp đặt

Cung cấp các dịch vụ khác

Hoạt động

Cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí
Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng, cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ khác có liên quan
Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí
Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí
Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo năm bộ phận kinh doanh này như sau:

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

	Tàu	Cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, vận hành và lắp đặt	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tài sản							
Tài sản bộ phận	7.794.531	2.766.138	2.098.424	734.672	563.558	(2.294.418)	11.662.905
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	178.720	-	178.720
Tài sản không phân bổ							775.231
Tổng tài sản hợp nhất	7.794.531	2.766.138	2.098.424	734.672	742.279	(2.294.418)	12.616.856
Nợ phải trả							
Nợ phải trả bộ phận	6.820.953	1.687.422	1.878.902	549.941	105.589	(2.294.418)	8.748.389
Nợ phải trả không phân bổ							500.249
Tổng nợ phải trả hợp nhất	6.722.041	1.560.672	1.984.173	780.462	106.085	(2.765.654)	9.321.630
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010							
Doanh thu							
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	759.813	115.354	1.110.021	136.171	49.903		2.171.262
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	16.880	22.719	126.517	14.542	4.486	(185.144)	-
Tổng doanh thu	776.693	138.073	1.236.538	150.713	54.389	(185.144)	2.171.262
Lợi nhuận gộp							
Lợi nhuận gộp bộ phận	64.581	31.498	16.064	8.569	12.177		132.889
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý							(56.162)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính							(22.252)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							54.475
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác							20.648
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết							151.436
Lợi nhuận trước thuế							226.559
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(19.975)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại							(36.496)
Lợi nhuận trong năm							170.888

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/3/2009 (chưa soát xét) Triệu VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.867	22.002
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	127.422	17.437
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.996	10.007
	146.285	49.446

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/3/2009 (chưa soát xét) Triệu VNĐ
Chi phí lãi vay	29.330	18.491
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	94.594	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.882	11.693
Chi phí tài chính khác	28.731	2.547
	168.537	32.731

20. THU NHẬP KHÁC

	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/3/2009 (chưa soát xét) Triệu VNĐ
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9	1
Hoàn nhập dự phòng	-	590
Tiền bồi thường	1.146	-
Các khoản thu nhập khác	20.271	2.001
	21.426	2.592

21. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/3/2009 (chưa soát xét) Triệu VNĐ
Phạt, bồi thường	8	655
Các khoản chi phí khác	770	512
	778	1.167

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/3/2009 (chưa soát xét) Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	226.559	97.712
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(151.436)	5.906
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	66.868	1.167
Thu nhập chịu thuế	141.991	92.973
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.498	23.243
Giảm trừ thuế	(15.523)	(10.787)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.975	12.456
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	36.496	-

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ - Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (2007 và 2008) và được giảm 50% trong hai năm tiếp theo. Năm 2010, là năm thứ hai Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi giảm trong kỳ là 15.523 triệu đồng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, một khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 36.496 triệu đồng được ghi nhận cho phần thu nhập được hưởng từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Malaysia Vietnam Offshore Terminal (L) Limited. Ngoài ra, Tổng Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại nào khác do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập.

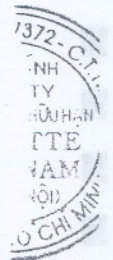
23. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010	Từ 1/1/2009 đến 31/3/2009 (chưa soát xét)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (Triệu VNĐ)	172.529	85.494
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	172.529	85.494
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	194.081.209	102.136.764
Lãi trên cổ phiếu (VNĐ)	889	837

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động không hủy ngang với tổng số tiền thuê 932.344 triệu VNĐ (năm 2009: 1.357.723 triệu VNĐ). Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 đến 5 năm tính từ năm 2009.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/3/2009 (chưa soát xét) Triệu VNĐ
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro	48.903	32.174
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	9.740	20
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Việt Nam	163.984	379
Tổng Công ty Khí Việt Nam	821	672
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí	9	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	164	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	117	43
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	2.840	1.883
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	74	135
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	9.454	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	-	1.142
Tổng Công ty Cổ phần Phân đạm và hóa chất Dầu khí	2.397	-
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Dầu Việt Nam	-	3.036
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	115
Công ty TNHH MTV viễn thông và tự động hóa dầu khí	-	185
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	23
Công ty CP Giám định Năng lượng VN	-	151

Mua Công ty con từ Tập đoàn (Phương Đông, PV Tech)

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	109.702	25.000
---------------------------	---------	--------

Chi phí lãi vay

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	8.860	25.895
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	9.197

Số dư với các bên liên quan:

	31/3/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	277.338	285.982
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro	32.573	12.522
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	366.142	265.467
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	505	3.062
Tổng Công ty Khí Việt Nam	5.318	4
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	6.937	296
Tổng Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	2.432	35
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.257	4.925
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	5.125	101.071
Tổng Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí	775	819

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010
đến ngày 31 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Phải trả

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	673.285	441.181
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro	1.781	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	1.793	11.910
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.969	4.577
Tổng Công ty Khí Việt Nam	98	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	119
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	68	102.412
Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	134	8.003
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	21.432	117.454
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	7.083	6.132
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	5.304	882
Tổng Công ty Điện lực dầu khí	1.541	11.290
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.245	173

Vay dài hạn

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	2.256.570	2.278.965
---	-----------	-----------

Vay ngắn hạn

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	657.000	657.000
---	---------	---------

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 90/2010/PTSC-TCNS/HD ngày 13 tháng 4 năm 2010, Tổng Công ty đã mua lại 1.540.446 cổ phần tương đương 51% vốn của Công ty cổ phần Phát triển Nguồn lực và Dịch vụ Dầu khí Việt nam từ Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí. Theo đó, kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2010, Công ty cổ phần Phát triển Nguồn lực và Dịch vụ Dầu khí Việt nam trở thành công ty con của Tổng Công ty

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Theo hướng dẫn Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trình bày là một khoản nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 nhằm mục đích so sánh với số liệu của kỳ kế toán hiện hành.



Nguyễn Hùng Dũng *Nau*
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 4 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng

